TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH A G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2021.
V/v trAh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Tấn Khoa;**

2. Ông **Tôn Phước Thuận.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Tường Vi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 804/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc trAh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 574/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 569/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu A, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp LH 1, xã L K, huyện C M, huyện C M, tỉnh A G, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đinh Hữu L, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp M P, xã M A, huyện C M, tỉnh A G, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Thu A trình bày: Chị và Thu A và anh L do quen biết và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, Ah chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A T T, huyện C M, tỉnh A G. Ah chị sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp nhau. Anh chị không còn sống chung từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn A yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Hoàng S, sinh ngày 04/4/2013, Đinh Thị Ngọc N, sinh ngày 17/9/2015. pHiện các cháu đAg sống chung với chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu Ah L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Thu A xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Thu A xác định không có.

Ah Đinh Hữu L đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Phan Thị Thu A khởi kiện anh Đinh Hữu L cư trú ấp A H, xã A T T, huyện C M, tỉnh A G, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đinh Hữu L đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị Phan Thị Thu A anh Đinh Hữu L do quen biết và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, Ah chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy bA nhân dân xã A T T, huyện C M, tỉnh A G. Ah chị sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị và L không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị A, anh L không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Chị A yêu cầu ly hôn với anh L, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình " Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn…." Tại phiên tòa, chị A xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Hoàng S, sinh ngày 04/4/2013, Đinh Thị Ngọc N, sinh ngày 17/9/2015. Hiện cháu S, cháu N đAg sống chung với chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu S, cháu N, sống ổn định với chị A vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh L cũng không có ý kiến phản đối. Trong quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu S, cháu có nguyện vọng sống với chị A, Ah L cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu cháu S, cháu N cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly

hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa, chị A không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Chị A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận Chị A xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị Phan Thị Thu A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu A.

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thu An được ly hôn với anh Đinh Hữu L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 117/2012 ngày 15/6//2012 của Ủy ban nhân xã A T T, huyện C M, tỉnh A G không còn giá trị pháp Lý.

- Về con chung: Chị Phan Thị Thu A được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung tên Đinh Hoàng S, sinh ngày 04/4/2013, Đinh Thị Ngọc N, sinh ngày 17/9/2015. Anh Đinh Hữu L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Thị Thu A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đinh Hữu L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Phan Thị Thu A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Phan Thị Thu A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Phan Thị Thu A xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Phan Thị Thu A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013723 ngày 23.10.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh A G. Phan Thị Thu A không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh A G;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- UBND xã A T T, huyện C M;
tỉnh A G.
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn